

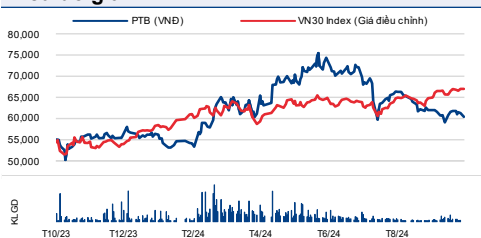
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ86,000
Tiềm năng tăng/giảm: 42.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/10/2024)	60,400
Mã Bloomberg	PTB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	50,253-75,437
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	61,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,076
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	162
Slg CP lưu hành (tr.đv)	67.5
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	16.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.36
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	25.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.5%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	I - VN - overwrite nam (12.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	5,619	6,845	7,889
EBITDA đc (tỷ đồng)	684	854	1,002
LNTT (tỷ đồng)	323	517	642
LNT ĐC (tỷ đồng)	247	393	489
FCF (tỷ đồng)	606	(234)	231
EPS ĐC (đồng)	3,659	5,875	7,302
DPS (đồng)	2,500	2,500	3,000
BVPS (đồng)	40,687	44,320	49,442
T.trưởng EBITDA (%)	(32.9)	24.8	17.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	(46.7)	60.6	24.3
Tăng trưởng DPS (%)	(16.7)	0	20.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.2	12.5	12.7
Tỷ suất LNTT (%)	5.74	7.55	8.14
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.40	5.75	6.20
Tỷ lệ LN trả CT (%)	68.3	42.6	41.1
Nợ thuần/VCSH (%)	47.2	58.8	52.7
ROAE (%)	9.13	13.8	15.6
ROACE (%)	15.2	19.2	21.6
EV/doanh thu (lần)	0.94	0.84	0.73
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.72	6.73	5.73
P/E ĐC (lần)	16.5	10.3	8.27
P/B (lần)	1.48	1.36	1.22
Lợi suất cổ tức (%)	4.14	4.14	4.97

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

PTB là doanh nghiệp lớn về sản xuất đồ gỗ nội thất và chế biến đá; ngoài ra PTB còn là đại lý cho Toyota và đầu tư bất động sản.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

KQKD sơ bộ Q3/2024: Lợi nhuận thuần tăng 8%, mảng gỗ dẫn dắt tăng trưởng

- Doanh thu và LNTT sơ bộ Q3/2024 của PTB đạt lần lượt 1.540 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ) và 102 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ). Mảng gỗ dẫn dắt tăng trưởng doanh thu trong khi tỷ suất LNTT giảm do doanh thu mảng đá kém và lỗ tỷ giá.
- Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu đạt 4.585 tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 349 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 67% và 68% dự báo cho của năm 2024 của HSC.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 16% trong 3 tháng qua, PTB đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm ở mức 8,8 lần, thấp hơn so với bình quân quá khứ ở mức 10,5 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 86.000đ (tiềm năng mua giá 42%).

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q3/2024

Trong Q3/2024, doanh thu và LNTT đạt 1.540 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ) và 102 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ), sát với dự báo của chúng tôi nhưng thấp hơn KHKD Công ty đề ra ở mức 1.560 tỷ đồng đối với doanh thu và 116 tỷ đồng đối với LNTT. KQKD thấp hơn KHKD Công ty đề ra là do khách hàng yêu cầu trì hoãn giao đơn hàng xuất khẩu đá granite do chi phí vận chuyển tăng.

Doanh thu tăng mạnh nhờ doanh thu Q3/2024 của mảng gỗ tăng 30% so với cùng kỳ và tăng 26% trong 9 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, tỷ suất LNTT giảm xuống còn 6,6% trong Q3/2024 từ 8% trong Q3/2023 do KQKD mảng đá kém (mảng đá có tỷ suất lợi nhuận cao hơn mảng gỗ). Chúng tôi cũng dự báo PTB sẽ ghi nhận lỗ tỷ giá trong Q3/2024 do USD giảm giá.

KHKD Q4/2024: Mục tiêu tăng trưởng LNTT thấp hơn dự báo

Cho Q4/2024, BLĐ PTB đặt kế hoạch doanh thu 1.815 tỷ đồng (tăng 17% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 121 tỷ đồng (tăng 4.4 lần so với cùng kỳ). Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng trong Q4/2023, PTB trích lập dự phòng 42,7 tỷ đồng, tương đương 70% khoản tiền thu được từ Noble Home sau khi khách hàng này nộp đơn phá sản. Loại trừ khoản này, Công ty đặt mục tiêu LNTT Q4/2024 tăng 70% so với cùng kỳ, so với LNTT từ HKKD cốt lõi Q4/2023. Kế hoạch LNTT Q4/2023 chưa phản ánh phần trích lập dự phòng cho 30% khoản phải thu còn lại từ Noble Home.

Theo KHKD đề ra cho Q4/2024 (cùng với KQKD sơ bộ của Q3/2024 và nửa đầu năm 2024), doanh thu cả năm 2024 đạt 6.400 tỷ đồng (tăng trưởng 14%) và LNTT đạt 470 tỷ đồng (tăng trưởng 46% nếu so với LNTT đã báo cáo của năm 2023 và tăng trưởng 29% nếu so LNTT từ HKKD cốt lõi của năm 2023), lần lượt đạt 94% và 91% dự báo cho cả năm 2024 của HSC – thấp hơn một chút so với dự báo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ Q3/2024, PTB

LNTT Q3/2024 tăng 8% so với cùng kỳ lên 102 tỷ đồng, sát dự báo của HSC

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	9T23	9T24	% so với cùng kỳ	% dự báo của HSC
Doanh thu	1,187	1,540	29.7%	-4.3%	4,071	4,585	12.6%	67%
LNTT	94	102	7.5%	-26.6%	295	349	18.3%	68%
Tỷ suất LNTT	8.0%	6.6%			7.2%	7.6%		

Nguồn: PTB, HSC

Sự chênh lệch trên chủ yếu do mảng đá. Chúng tôi dự báo PTB sẽ ghi nhận một phần doanh thu và lợi nhuận từ việc cung cấp đá granite cho dự án mở rộng sân bay Nội Bài trong Q4/2024, trong khi PTB kỳ vọng sẽ ghi nhận doanh thu từ hoạt động này từ nửa đầu năm 2025.

Triển vọng: Tích cực ở mảng gỗ và đá

Mảng gỗ tiếp tục có triển vọng tích cực trong Q4/2024. Ở giai đoạn này, PTB đang vận hành với công suất tối đa để hoàn thành các đơn hàng cho Q4/2024 trong khi Công ty cũng đã nhận đủ đơn hàng cho Q1/2025.

Đối với mảng đá granite, PTB bắt đầu bàn giao đá granite cho dự án mở rộng sân bay Nội Bài, với tổng giá trị hợp đồng là khoảng 100 tỷ đồng, dự kiến sẽ hoàn thành trong Q2/2025. Công ty chưa phản ánh doanh thu và lợi nhuận từ dự án này vào KHKD Q4/2024. Do đó, BLĐ kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận từ dự án này sẽ được ghi nhận trong nửa đầu năm 2025.

Đối với **mảng đá thạch anh**, nhà máy hiện tại ở Đồng Nai (có công suất 650.000 m2/năm) đang vận hành 80% công suất. Nhận thấy nhu cầu của thị trường nước ngoài đang tăng, PTB đang xây nhà máy tại Bình Dương (tận dụng nhà máy đá granite hiện tại). Tổng vốn đầu tư cho nhà máy đá thạch anh mới này khoảng 70 tỷ đồng, với công suất khoảng 400.000 m2/năm. PTB dự kiến hoàn thành công tác xây dựng nhà máy này trong Q2/2025.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Ở giai đoạn này, HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, với giá mục tiêu 86.000đ (tiềm năng tăng giá 40%) cũng như dự báo lợi nhuận. Sau khi giá cổ phiếu giảm 16% trong 3 tháng qua, PTB đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2024 là 10,4 lần và năm 2025 là 8,4 lần, tương đương với P/E trượt dự phóng 1 năm là mức 8,8 lần, thấp hơn so với bình quân quá khứ ở mức 10,5 lần.

Bảng 2: Kế hoạch công ty Q4/2024, PTB

Công ty đặt kế hoạch LNTT Q4/2024 đạt 121 tỷ đồng, tăng 72% so với LNTT cốt lõi trong Q4/2023

	Q1/23	Q3/24	Q4/24F	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	2023	2024F	Tăng trưởng	Dự báo 2024 của HSC	% đạt dự báo của HSC
Doanh thu	1,548	1,540	1,815	17.3%	17.9%	5,619	6,400	13.9%	6,845	93.5%
LNTT	28	102	121	335.6%	19.2%	323	470	45.6%	517	91.0%
LNTT mảng kinh doanh cốt lõi	70	102	121	71.7%	19.2%	365	470	28.6%	517	91.0%

Nguồn: PTB, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	6,887	5,619	6,845	7,889	8,917
Lợi nhuận gộp	1,540	1,144	1,388	1,648	1,876
Chi phí BH&QL	(795)	(688)	(794)	(915)	(1,034)
Thu nhập khác	68.7	18.5	22.5	25.9	29.3
Chi phí khác	(73.3)	(31.6)	(34.2)	(39.4)	(44.6)
EBIT	740	443	582	720	826
Lãi vay thuần	(126)	(113)	(65.7)	(77.8)	(88.5)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	(6.95)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	614	323	517	642	738
Chi phí thuế TNDN	(112)	(63.3)	(103)	(128)	(148)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(15.1)	(1.70)	(2.72)	(3.37)	(3.88)
LNST không thường xuyên	(20.4)	(10.8)	(17.2)	(21.4)	(24.6)
Lợi nhuận thuần	467	247	393	489	562
Lợi nhuận thuần ĐC	467	247	393	489	562
EBITDA ĐC	1,019	684	854	1,002	1,121
EPS (đồng)	6,862	3,659	5,875	7,302	8,393
EPS ĐC (đồng)	6,862	3,659	5,875	7,302	8,393
DPS (đồng)	3,000	2,500	2,500	3,000	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	68.0	67.5	66.9	66.9	66.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	68.0	66.9	66.9	66.9	66.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	68.0	67.5	66.9	66.9	66.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	272	428	309	611	977
Đầu tư ngắn hạn	27.2	19.6	342	394	446
Phải thu khách hàng	793	881	1,027	1,183	1,338
Hàng tồn kho	1,757	1,466	1,848	2,114	2,372
Các tài sản ngắn hạn khác	206	146	178	205	231
Tổng tài sản ngắn hạn	3,055	2,941	3,704	4,508	5,364
TSCĐ hữu hình	1,773	1,719	1,587	1,457	1,308
TSCĐ vô hình	23.5	21.1	18.8	16.4	14.1
Bất động sản đầu tư	5.61	5.38	0	0	0
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	14.6	256	256	256	256
Tài sản dài hạn khác	367	321	382	439	494
Tổng tài sản dài hạn	2,183	2,323	2,244	2,168	2,071
Tổng cộng tài sản	5,238	5,264	5,948	6,676	7,435
Nợ ngắn hạn	1,476	1,553	1,893	2,181	2,466
Phải trả người bán	418	499	601	685	765
Nợ ngắn hạn khác	277	208	208	208	208
Tổng nợ ngắn hạn	2,310	2,352	2,789	3,168	3,538
Nợ dài hạn	152	116	120	126	129
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	15.2	19.1	19.1	19.1	19.1
Tổng nợ dài hạn	167	135	139	145	148
Tổng nợ phải trả	2,477	2,487	2,928	3,313	3,687
Vốn chủ sở hữu	2,687	2,724	2,967	3,310	3,695
Lợi ích cổ đông thiểu số	74.0	53.2	53.2	53.2	53.2
Tổng vốn chủ sở hữu	2,761	2,777	3,020	3,363	3,748
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,238	5,264	5,948	6,675	7,435
BVPS (đ)	39,496	40,687	44,320	49,442	55,202
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,356	1,241	1,703	1,696	1,618

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	740	443	582	720	826
Khấu hao	(279)	(241)	(271)	(282)	(294)
Lãi vay thuần	(126)	(113)	(65.7)	(77.8)	(88.5)
Thuế TNDN đã nộp	(126)	(116)	(103)	(128)	(148)
Thay đổi vốn lưu động	1,041	714	877	1,029	1,151
Khác	(1,087)	(509)	(1,639)	(1,414)	(1,524)
LCT thuần từ HĐKD	735	778	(103)	381	477
Đầu tư TS dài hạn	(283)	(172)	(131)	(150)	(143)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	83.7	27.4	0	0	0
Khác	(9.72)	(268)	(61.5)	(56.2)	(55.3)
LCT thuần từ HĐĐT	(209)	(413)	(193)	(206)	(198)
Cổ tức trả cho CSH	(36.8)	0	(167)	(167)	(201)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(352)	4,209	343	295	288
Khác	0	(4,418)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(389)	(209)	176	127	86.8
Tiền & tương đương tiền đầu kì	136	272	428	309	611
LCT thuần trong kỳ	137	157	(119)	302	366
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.83)	(0.62)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	272	428	309	611	977
Dòng tiền tự do	452	606	(234)	231	335

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	22.4	20.4	20.3	20.9	21.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.8	12.2	12.5	12.7	12.6
Tỷ suất LNT (%)	6.78	4.40	5.75	6.20	6.30
Thuế TNDN hiện hành (%)	18.2	19.6	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	6.08	(18.4)	21.8	15.2	13.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	3.44	(32.9)	24.8	17.4	11.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(4.53)	(47.1)	59.3	24.3	14.9
Tăng trưởng EPS (%)	(31.8)	(46.7)	60.6	24.3	14.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(31.8)	(46.7)	60.6	24.3	14.9
Tăng trưởng DPS (%)	500	(16.7)	0	20.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.7	68.3	42.6	41.1	35.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	18.6	9.13	13.8	15.6	16.0
ROACE (%)	26.0	15.2	19.2	21.6	22.3
Vòng quay tài sản (lần)	1.29	1.07	1.22	1.25	1.26
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.99	1.76	(0.18)	0.53	0.58
Số ngày tồn kho	120	120	124	124	123
Số ngày phải thu	54.1	71.9	68.7	69.2	69.3
Số ngày phải trả	28.5	40.7	40.2	40.1	39.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	51.6	47.2	58.8	52.7	45.2
Nợ/tài sản (%)	31.7	32.6	34.5	35.3	35.6
EBIT/lãi vay (lần)	5.87	3.91	8.86	9.25	9.34
Nợ/EBITDA (lần)	1.63	2.51	2.41	2.35	2.36
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.32	1.25	1.33	1.42	1.52
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.79	0.94	0.84	0.73	0.63
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.36	7.72	6.73	5.73	5.05
P/E (lần)	8.80	16.5	10.3	8.27	7.20
P/E ĐC (lần)	8.80	16.5	10.3	8.27	7.20
P/B (lần)	1.53	1.48	1.36	1.22	1.09
Lợi suất cổ tức (%)	4.97	4.14	4.14	4.97	4.97

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn